

Cập nhật Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2023

Đối tác chiến lược tạo động lực tăng trưởng dài hạn

MUA [+56%]

Giá hợp lý

Ngày cập nhật:

08/05/2023

Giá hiện tại

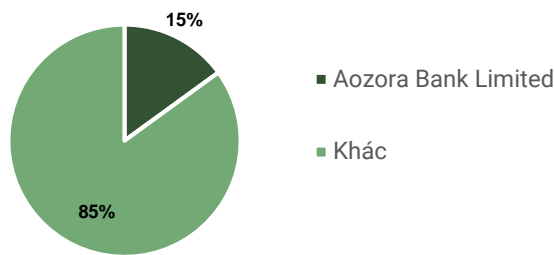
24,800 VND

15,950 VND

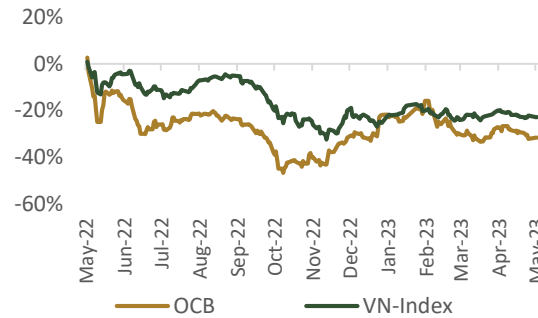
THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	1,369.9
Free float (triệu)	753.4
Vốn hóa (tỷ VND)	21,575.6
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	1,434,534
Sở hữu nước ngoài (%)	21.3%
Ngày niêm yết đầu tiên	28/01/2021

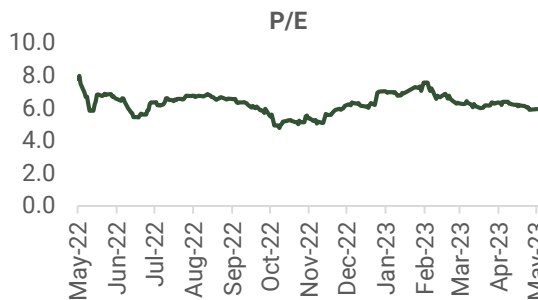
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI INDEX



LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ



Nội dung chính: Kết quả kinh doanh Q1 2023: Kết thúc Q1 2023, thu nhập lãi thuần của OCB tăng trưởng 5%YoY lên 1,751 tỷ đồng, đóng góp 84% vào Thu nhập hoạt động. Thu nhập ngoài lãi của ngân hàng đạt 339 tỷ đồng, duy trì mức so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế của OCB trong Q1 2023 tăng 18% YoY lên 786 tỷ đồng do ngân hàng giảm mạnh trích lập dự phòng và sự tăng trưởng chậm lại của hoạt động cho vay.

Kế hoạch kinh doanh năm 2023. OCB đặt kế hoạch tăng trưởng tín dụng 20% trong năm 2023 đạt 147 ngàn tỷ đồng, trong khi huy động thị trường 1 tăng mạnh hơn ở mức 26%YoY lên 173 ngàn tỷ đồng. Qua đó, Lợi nhuận trước thuế kế hoạch năm 2023 đạt 6,000 tỷ đồng (+37%YoY). Ngân hàng đặt kế hoạch tổng tài sản tăng trưởng 25%YoY lên 48 ngàn tỷ đồng. Ban lãnh đạo cho biết hoạt động cốt lõi tăng trưởng tốt năm 2022 và kỳ vọng về sự khởi sắc của hoạt động mua bán trái phiếu đầu tư sẽ là nền tảng để OCB đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2023. Chúng tôi cho rằng do tăng trưởng tín dụng hết Q1 2023 của OCB mới chỉ đạt 1.97% YTD, do đó mục tiêu tăng trưởng tín dụng 20% tương đối thách thức trước nhu cầu tín dụng yếu do lãi suất cao và hoạt động kinh tế trì trệ.

Đối với các khoản nợ của FLC và Đại Nam: Ban lãnh đạo cho biết OCB đã thu hồi xong nợ của FLC và Đại Nam. Đối với danh mục tài sản, ngân hàng đã cho bên thứ 3 thời gian để nộp tiền. OCB mua tòa nhà 265 Cầu Giấy để đầu tư tài sản, năm 2022, OCB chấm dứt giao dịch do FLC chưa thực hiện thủ tục sang tên do khó khăn nội bộ, và FLC đã trả đủ tiền phạt cho OCB.

Kế hoạch tăng vốn năm 2023. OCB đặt kế hoạch tăng vốn 50%YTD lên 20,548 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu. Vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng cho mục đích: (1) 6,176 tỷ đồng được dùng cho hoạt động kinh doanh, đầu tư, và cho vay; (2) 672 tỷ đồng được sử dụng để đầu tư công nghệ thông tin, nâng cấp tài sản, trang bị tài sản cố định.

Cổ tức: Năm 2023, OCB sẽ chi trả 50% cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2022 và năm 2021.

Định giá & khuyến nghị: Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu tín dụng sẽ khả quan hơn trong nửa cuối năm 2023 do đó ước tính tăng trưởng tín dụng năm 2023 của OCB đạt 16.8%YTD. Chúng tôi kỳ vọng xu hướng giảm lãi suất tiếp tục trong năm 2023, qua đó ước tính NIM của OCB đạt 3.87%, giảm 13 bps so với năm 2022. Thông tư 02/2023/TT-NHNN cho phép tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với không ít khách hàng từ ngày 24/4/2023 đến hết 30/6/2024. Qua đó, chúng tôi ước tính tỷ lệ nợ xấu của OCB đạt 2.63% trong năm 2023. Dù đối mặt với nhiều thách thức từ hoạt động của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng của OCB trong năm 2023, nhưng chúng tôi kỳ vọng nhờ sức mạnh nội tại từ hoạt động kinh doanh cốt lõi và sự phục hồi của hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư sẽ tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của OCB trong năm nay. Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu thu nhập thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi xác định giá trị hợp lý đối với mỗi cổ phiếu OCB là 24,800VND/CP. Khuyến nghị: Mua đối với cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Rủi ro lãi suất; (2) Rủi ro nợ xấu; (3) Rủi ro cạnh tranh; (4) Rủi ro thị trường; (5) Rủi ro pháp luật; (6) Rủi ro trái phiếu doanh nghiệp

Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	2,401	3,436	4,101	4,982	5,766	6,948	7,620
LNST (tỷ VND)	817	1,761	2,582	3,535	4,405	3,510	4,354
EPS (VND)	1,634	2,669	3,269	3,226	3,216	2,562	3,178
Tăng trưởng EPS (%)	69%	116%	47%	37%	25%	-20%	24%
Giá trị sổ sách (VND)	12,278	13,331	14,568	15,909	15,917	18,448	21,626
P/E	N/A	N/A	N/A	6.63	7.10	7.66	7.82
P/B	N/A	N/A	N/A	1.34	1.43	1.1	1.1
Cổ tức (VND)	5%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

Dự phóng kết quả kinh doanh 2023

Đvt : tỷ đồng	2018	2019	2020	2021	2022	2023E
Thu nhập lãi thuần	3,436	4,101	4,982	5,766	6,948	7,620
%YoY	43.1%	19.4%	21.5%	15.7%	20.5%	9.7%
Thu nhập ngoài lãi	1,580	2,512	3,032	3,155	1,586	2,354
%YoY	387.7%	59.0%	20.7%	4.1%	-49.7%	48%
Lợi nhuận sau thuế	1,761	2,582	3,535	4,405	3,510	4,354
%YoY	115.5%	46.6%	36.9%	24.6%	-20.3%	24.0%
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập HĐ	68.5%	62.0%	62.2%	64.6%	81.4%	76.4%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập HĐ	37.3%	37.0%	29.1%	26.9%	36.1%	33.0%
Tỷ lệ trích Dự phòng/ Tổng thu nhập HĐ	18.8%	14.1%	15.8%	11.2%	12.5%	12.4%

Tăng trưởng GDP Việt Nam vào cuối Q1 2023 đạt 3.32%YoY, chỉ cao hơn tốc độ tăng 3.21%YoY của Q1 2020 trong giai đoạn 2011-2023. Trong đó, tiêu dùng cuối cùng tăng 3.01%YoY, trong khi xuất khẩu hàng hóa giảm 8.33%YoY. Kết thúc Q1 2023, tăng trưởng tín dụng của OCB đạt 1.97%YTD. Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu tín dụng sẽ khả quan hơn trong nửa cuối năm 2023 nhờ lạm phát và lãi suất hạ nhiệt, các rào cản pháp lý được dỡ bỏ, nhu cầu trong nước và hoạt động kinh tế gia tăng. Hơn nữa, do hơn 40% dư nợ của OCB tập trung vào mảng bán lẻ, chúng tôi ước tính tăng trưởng tín dụng năm 2023 của OCB đạt 16.8%YTD.

Dù lạm phát đã giảm từ mức cao nhất 9.1% trong tháng 6 còn 5% trong tháng 3 nhưng vẫn cao hơn nhiều so với mục tiêu 2% của FED. Các nhà kinh tế của FED cho rằng tín dụng thắt chặt hơn do việc 3 ngân hàng của Mỹ phá sản sẽ góp phần gây ra “suy thoái nhẹ” vào cuối năm nay, do đó gia tăng áp lực buộc FED tạm dừng tăng lãi suất. Tình hình lạm phát trong nước được kỳ vọng quanh mức 4-4.5%. Hơn nữa, nguồn cung ngoại tệ tốt đến từ thặng dư thương mại, kiều hối và FDI, vay nợ ròng nước ngoài sẽ là những yếu tố hỗ trợ cho xu hướng giảm lãi suất trong tương lai. Qua đó, chúng tôi ước tính NIM của OCB đạt 3.87%, giảm 13 bps so với năm 2022.

Tình hình kinh tế không thuận lợi ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của ngành ngân hàng. Hơn nữa, Thông tư 02/2023/TT-NHNN cho phép tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với không ít khách hàng từ ngày 24/4/2023 đến hết 30/6/2024. Qua đó, chúng tôi ước tính tỷ lệ nợ xấu của OCB đạt 2.63% trong năm 2023.

Theo quy định tại Thông tư 02/2023/TT-NHNN, các TCTD phải trích lập dự phòng tối thiểu 50% trong năm 2023 và 100% trong năm 2024. Qua đó, chúng tôi ước tính chi phí trích lập dự phòng năm 2023 của OCB tăng 16% YoY lên 1,240 tỷ đồng.

Năm 2023, chúng tôi kỳ vọng lãi suất thị trường giảm, qua đó hỗ trợ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư của OCB dần phục hồi với mức tăng trưởng 36.4%YoY đạt 760 tỷ đồng. Do đó, đưa Lợi nhuận sau thuế của OCB đạt 4,354 tỷ đồng (+24%YoY).

Ngành ngân hàng đang phải trải qua những thách thức từ bối cảnh kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới, nhưng trong dài hạn chúng tôi đặt kỳ vọng vào tiềm năng tăng trưởng của OCB nhờ:

- (1) Ngân hàng đa dạng hóa hoạt động thúc đẩy ROE.
- (2) Đối tác chiến lược góp phần tạo động lực tăng trưởng dài hạn.

Định giá và khuyến nghị

Dù đối mặt với nhiều thách thức từ hoạt động của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng của OCB trong năm 2023, nhưng chúng tôi kỳ vọng nhờ sức mạnh nội tại từ hoạt động kinh doanh cốt lõi và sự phục hồi của hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư sẽ tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của OCB trong năm nay.

Do đó, sử dụng phương pháp định giá chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi tăng mức giá hợp lý đối với OCB lên 24,800 VNĐ/CP, tương ứng mức P/E và P/B forward 2023 lần lượt là 7.82x và 1.1x. Qua đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị: Mua cho cổ phiếu OCB, với upside so với giá hiện tại là 56%.

Định giá theo thu nhập thặng dư

Các tiêu chí (Đvt : tỷ đồng)	2023E	2024E	2025E	2026E	2027E
Chi phí VCSH	15.7%	15.7%	15.7%	15.7%	15.7%
Chi phí VCSH dài hạn					15.7%
Tăng trưởng dài hạn sau năm 2027					3.00%
Lợi nhuận ròng	4,354	5,569	6,968	8,329	9,623
Thu nhập thặng dư	386	918	1,442	1,709	1,696
Giá trị hiện tại của Thu nhập thặng dư (5 năm)	332	679	923	940	7,416
Giá trị hiện tại của Giá trị cuối cùng					13,755
Tổng giá trị hiện tại của dòng thu nhập thặng dư	10,290				
Vốn chủ sở hữu	21,805				
Cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)	1.370				
Giá hợp lý (VNĐ/cp)	23,429				

Phương pháp P/B

Giá trị sổ sách/CP	21,626
P/B ngành	1.41x
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	30,493

	Residual Income	P/B	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	23,429	30,493	24,800 VNĐ/cp
Tỷ trọng	80%	20%	

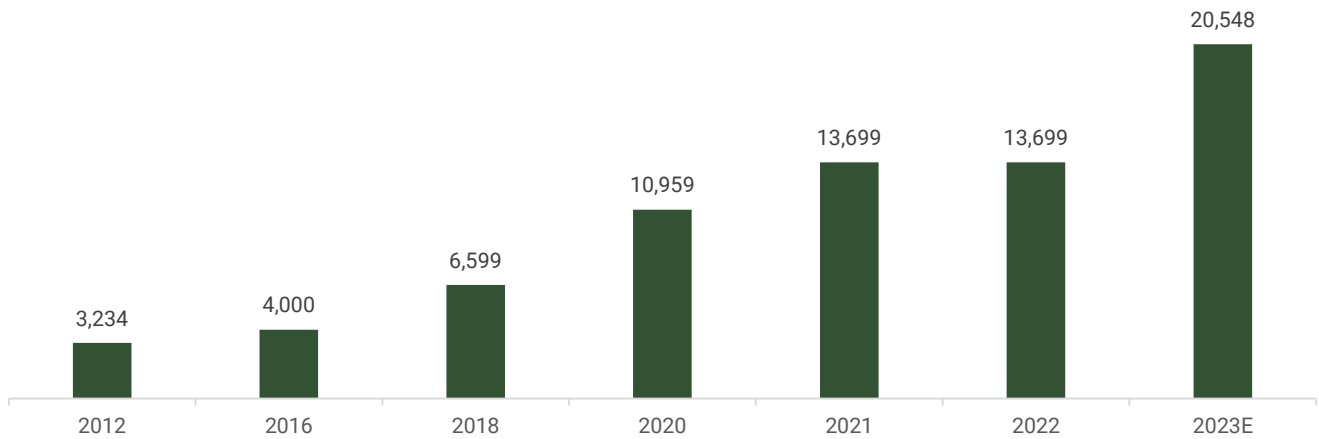


Sơ lược công ty

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB) được thành lập vào năm 1996. Ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực huy động, cấp tín dụng và các dịch vụ tài chính liên quan. Năm 2011, OCB ký kết thỏa thuận liên minh chiến lược với Ngân hàng BNP Paribas và tổ chức IFC. OCB được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ tháng 12/2020. Ngày 28/01/2021, cổ phiếu OCB Giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Trong năm 2020, OCB đã hoàn thành việc phát hành cho ngân hàng Aozora (Nhật Bản). OCB cũng được ADB vinh danh là “Ngân hàng đối tác hàng đầu tại Việt Nam” (Leading Partner Bank in Vietnam) năm 2020.

Quá trình tăng vốn (Tỷ VND)

Vốn điều lệ (Tỷ VND)



(Nguồn: OCB, PHS dự phóng)

Báo cáo tài chính

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E
Thu nhập lãi	7,657	9,638	10,793	11,720	14,068	16,141
Chi phí lãi	(4,221)	(5,537)	(5,812)	(5,955)	(7,120)	(8,521)
Thu nhập lãi thuần	3,436	4,101	4,982	5,766	6,948	7,620
Thu nhập ngoài lãi	546	785	1,061	1,347	1,476	1,704
Tổng thu nhập hoạt động	5,016	6,613	8,013	8,919	8,534	9,974
Chi phí hoạt động	(1,870)	(2,449)	(2,330)	(2,403)	(3,077)	(3,291)
Lợi nhuận thuần trước dự phòng	3,146	4,164	5,683	6,516	5,457	6,683
Chi phí dự phòng	(944)	(933)	(1,263)	(998)	(1,067)	(1,240)
Tổng lợi nhuận trước thuế	2,202	3,231	4,419	5,519	4,389	5,443
Chi phí thuế	(441)	(649)	(885)	(1,114)	(880)	(1,089)
Lợi nhuận sau thuế	1,761	2,582	3,535	4,405	3,510	4,354

Cân đối kế toán	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E
Tiền và tương đương tiền	680	713	932	714	793	997
Tiền gửi tại NHNN	1,275	2,073	4,088	3,853	3,225	3,865
Tiền gửi tại các TCTD	13,448	17,494	16,384	22,595	20,636	20,636
Đầu tư ngắn hạn	62	568	995	4,691	503	510
Cho vay Khách hàng	56,316	71,091	89,238	102,051	119,803	140,045
Dự phòng rủi ro cho vay	(565)	(725)	(937)	(1,116)	(1,582)	-2,017
Chứng khoán đầu tư	24,388	22,874	33,588	40,968	37,333	51,399
Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	5	3	0	0	0
Tài sản cố định	279	316	272	285	279	296
Tài sản khác	3,816	3,474	7,306	10,181	12,699	15,839
Tổng cộng tài sản	99,964	118,160	152,529	184,491	193,994	231,893
Tổng nợ phải trả	91,167	106,653	135,093	162,686	168,722	202,267
Nợ Chính phủ & NHNN	1,469	170	152	131	2,595	252
Tiền vay của các TCTD	16,756	18,369	22,838	32,038	22,639	31,097
Tiền gửi của khách hàng	60,363	69,142	87,171	98,805	102,203	124,687
Giấy tờ có giá	8,156	11,765	16,335	22,629	32,023	37,270
Các khoản nợ khác	4,422	7,207	8,597	9,084	9,262	8,961
Vốn chủ sở hữu	8,797	11,507	17,435	21,805	25,272	29,626
Tổng nguồn vốn	99,964	118,160	152,529	184,491	193,994	231,893

Chỉ tiêu tăng trưởng	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E
Tăng trưởng tín dụng	16.9%	26.2%	25.5%	15.3%	18.5%	16.8%
Tăng trưởng huy động tiền gửi	13.5%	14.5%	26.1%	13.3%	3.4%	22.0%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	43.1%	19.4%	21.5%	15.7%	20.5%	9.7%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi	61.5%	43.8%	35.2%	27.0%	20.3%	17.3%
Tăng trưởng thu nhập hoạt động	84.1%	31.8%	21.2%	11.3%	-4.3%	16.9%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	115.5%	46.7%	36.8%	24.9%	-20.5%	24.0%
Tăng trưởng tổng tài sản	18.6%	18.2%	29.1%	21.0%	5.2%	19.5%
Tăng trưởng Tài sản Có sinh lãi (IEA)	16.9%	26.2%	25.5%	15.3%	6.6%	19.2%
Tăng trưởng Nợ chịu lãi (IBL)	13.5%	14.5%	26.1%	13.3%	3.8%	21.2%
Tăng trưởng Vốn điều lệ	43.1%	19.4%	21.5%	15.7%	0.0%	50.0%

Chỉ số tài chính	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E
Khả Năng Sinh Lãi						
Tỷ trọng thu nhập lãi thuần	68.5%	62.0%	62.2%	64.6%	81.4%	76.4%
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	31.5%	38.0%	37.8%	35.4%	18.6%	23.6%
Tỷ suất LN ròng	35.1%	39.0%	44.1%	49.4%	41.1%	43.7%
ROAA	1.9%	2.4%	2.6%	2.6%	1.9%	2.0%
ROAE	23.6%	25.4%	24.4%	22.5%	14.9%	15.9%
Chỉ số riêng						
Tỷ lệ Chi Phí/ Thu nhập HĐ (CIR)	37.3%	37.0%	29.1%	26.9%	36.1%	33.0%
Tỷ lệ cho vay/ Tiền gửi (LDR) (*)	67.1%	72.4%	70.4%	66.8%	77.3%	73.2%
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)	4.0%	4.0%	3.9%	3.7%	4.0%	3.9%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi cận biên (NNIM)	1.8%	2.4%	2.4%	2.0%	0.9%	1.2%
Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	12.8%	11.5%	11.6%	15.1%	10.6%	11.3%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	2.29%	1.84%	1.69%	1.32%	2.23%	2.63%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Nợ xấu (LLR)	43.9%	55.4%	62.1%	82.7%	59.2%	54.8%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Dư nợ cho vay KH	1.0%	1.0%	1.1%	1.1%	1.3%	1.4%

(*) Tỷ lệ LDR được tính theo thông tư 36/2014/TT-NHNN

(Nguồn: PHS tổng hợp)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 8 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân

Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị

Sáu, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân

Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,

Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai

Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo,

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801